TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HS-ST
Ngày: 06 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Dương Đinh Thị Thuận và bà Phạm Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình C**, CCCD số: 067090003579, sinh năm 1990, tại Lâm Đồng; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình P (đã chết) và Nguyễn Thị N, sinh năm: 1959; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01, Ngày 21/04/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng (theo quyết định số 59/2023/QĐ-TA ngày 21/04/2023), chấp hành xong ngày 04/10/2024 (chưa xóa tiền sự); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/04/2026, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam C, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh L - có mặt.

Bị hại:

1/ Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2005; Địa chỉ: Bon Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn I E, xã C, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn A, xã H, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

2/ Bà Hoàng Thị Hồng P1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Bon Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.

Người làm chứng:

1/ Anh Nguyễn Đình P2, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/03/2026 Nguyễn Đình C đến nhà anh Trần Văn L, trú tại: Bon Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng chơi đến khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 13/04/2026 C nhờ người quen chở ra khu vực ngã tư N N'Đir thuộc Bon Đ, xã N để đón xe khách đi về nhà C ở thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk. Khi đến khu vực ngã tư Nâm N'Đir, do chưa đón được xe nên C đi bộ trên Quốc lộ B theo hướng từ ngã tư N N'Đir đi tỉnh Đắk Lắk, khi đi được khoảng 100m C phát hiện trước sân nhà bà Hoàng Thị Hồng P1 dựng 01 xe môt tô biển kiểm soát (BKS): 48F1 - 114.45, nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter Fi, màu đỏ đen, trên ổ khóa xe vẫn cắm chìa khóa nên C nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên. Quan sát thấy không có người trông coi, C đi vào dắt xe ra đường rồi khởi động máy điều khiển xe đi theo hướng ra xã C, tỉnh Lâm Đồng rồi rẽ về tỉnh Đắk Lắk theo Quốc lộ A, khi đi đến trước nhà ông Nguyễn Huy H thuộc thôn I E, xã C, tỉnh Lâm Đồng, C thấy không có người ở nhà nên đã điều khiển xe đi vào khu vực trưng bày bia mộ *(ông H kinh doanh dịch vụ mai táng)* để trộm cắp tài sản. C phát hiện ở khu vực nhà kho có 01 máy cắt sắt, loại bàn, màu cam nên C đã lấy trộm máy cắt sắt trên để ở gác ba ga xe rồi điều khiển xe đi về tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi, C ghé vào cửa hàng mua bán phế liệu "Mai Cương" thuộc thôn A, xã H, tỉnh Đắk Lắk bán máy cắt sắt trộm cắp được cho ông Phạm Văn C1 *(chủ cửa hàng)* được 800.000 đồng, số tiền trên C tiêu xài cá nhân hết. Còn xe mô tô BKS: 48F1 - 114.45 C đưa về nhà tại thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk cất giấu. Đến ngày 21/4/2026 Nguyễn Đình C bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phục vụ công tác điều tra xác minh.

Vật chứng:

- Thu giữ khi khám xét khẩn cấp:

+ 01 mũ bảo hiểm màu vàng, có viền màu xanh lá cây, lưỡi trai màu đen, phía sau mũ có chữ "CÀ MAU NPK";

+ 01 ba lô, loại ba lô con cóc màu rằn ri, vải bố;

+ 01 áo khoác vải màu xanh dương, bạc màu, có mũ phía sau; trước ngực trái có in chữ "NIKE"; tại vị trí phía sau gáy có chữ "NEU XXL MADE IN VIETNAM".

- Thu giữ do giao nộp:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter Fi, màu đỏ - đen, gắn BKS: 48F1-114.45 *(do anh Nguyễn Đình P2, em trai của Nguyễn Đình C giao nộp)*;

+ 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Maktec, màu cam, đã qua sử dụng *(do bà Nguyễn Thị M, vợ của ông Phạm Văn C1 giao nộp)*.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS, ngày 28/04/2026 của Hội đồng định giá tài sản - UBND xã N kết luận: *Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter Fi, màu đen – đỏ, số máy: F3S1E039957, số khung: 1340GY013606, BKS: 48F1-114.45 tại thời điểm ngày 13/04/2026 trị giá 6.000.000 đồng.*

Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐGTS, ngày 02/06/2026 của Hội đồng định giá tài sản - UBND xã N kết luận: *01 máy cắt sắt nhãn hiệu Maktec, màu cam, loại Ø355mm MT241 220V ~ 9.6A 50 – 60Hz 2000W no 3800/min, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 13/04/2026 trị giá 1.000.000 đồng.*

Kết luận giám định số 1440/KL-KTHS ngày 3/05/2026 của Phòng KTHS – Công an tỉnh L, kết luận: *Tại thời điểm giám định, số khung, số máy xe mô tô Yamaha, màu sơn đỏ đen, gắn BKS: 48F1-114.45 không bị đục, sửa, tẩy xóa. Số khung là: 1340GY013606, số máy là: F3S1E039957.*

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- *Về trách nhiệm hình sự:*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đình C từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu vàng, có viền màu xanh lá cây, lưỡi trai màu đen, phía sau mũ có chữ "CÀ MAU NPK"; 01 ba lô con cóc màu rằn ri, vải bố và 01 áo khoác vải màu xanh dương, bạc màu, có mũ phía sau, trước ngực trái có in chữ "NIKE".

+ Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô BKS: 48F1-114.45 cho chị Nguyễn Ngọc T và trả máy cắt sắt hiệu Maktec, màu cam cho ông Nguyễn Huy H là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C1 đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 800.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì. Bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoảng 09 giờ 10 phút, ngày 13/04/2026 tại Bon Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Đình C có hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô BKS: 48F1-114.45, nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter Fi, màu đỏ - đen của chị Nguyễn Ngọc T trị giá 6.000.000 đồng và khoảng 11 giờ 25 phút cùng ngày, tại thôn I E, xã C, tỉnh Lâm Đồng Nguyễn Đình C có hành vi trộm cắp tài sản là 01 máy cắt sắt, nhãn hiệu Maktec, màu cam của ông Nguyễn Huy H trị giá 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản C chiếm đoạt là: 7.000.000 (*Bảy triệu*) đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Thời điểm thực hiện hành vi bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý.

Do đó đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……".

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 800.000 đồng cho anh Phạm Văn C1 do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu nên cũng cần xem xét, đánh giá khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Từ những vấn đề phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*:

Quá trình điều tra đã làm rõ:

- Mũ bảo hiểm màu vàng; ba lô con cóc màu rằn ri; áo khoác vải màu xanh dương là trang phục của Nguyễn Đình C mặc, đội và mang trên người khi thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã dựa vào đặc điểm trang phục trên để truy tìm C nên cần tịch thu tiêu hủy

- Xe mô tô BKS: 48F1-114.45 là tài sản của chị Nguyễn Ngọc T và M1 cắt sắt nhãn hiệu Maktec, màu cam là tài sản của ông Nguyễn Huy H. Ngày 11/05/2026 và ngày 28/05/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã ra các quyết định xử lý vật chứng số F1113 và F1394 trả lại xe mô tô BKS: 48F1-114.45 và máy cắt sắt cho các chủ sở hữu là đúng quy định nên cần chấp nhận.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*:

Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C1 đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 800.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] *Những vấn đề khác của vụ án*:

Đối với ông Phạm Văn C1 là người mua máy cắt sắt của Nguyễn Đình C, do ông C1 không biết tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy không có căn cứ để xử lý đối với ông C1.

Đối với hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Đình C theo kết quả xét nghiệm chất ma túy ngày 21/04/2026 *(Dương tính)*, xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã thông báo và chuyển toàn bộ tài liệu có liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ để xử lý theo quy định. Hiện Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đã ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Đình C về tội Sử dụng trái phép chất ma túy, vụ án đang trong thời hạn điều tra.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét những chứng cứ buộc tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên HĐXX cần xem xét khi quyết định mức hình phạt.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/04/2026.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C1 đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 800.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô BKS: 48F1-114.45 cho chị Nguyễn Ngọc T và trả máy cắt sắt hiệu Maktec, màu cam cho ông Nguyễn Huy H là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu vàng, có viền màu xanh lá cây, lưỡi trai màu đen, phía sau mũ có chữ "CÀ MAU NPK"; 01 ba lô con cóc màu rằn ri, vải bố và 01 áo khoác vải màu xanh dương, bạc màu, có mũ phía sau, trước ngực trái có in chữ "NIKE" (*Hiện vật chứng đang do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L bảo quản).*

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình C phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo:

- Bị cáo Nguyễn Đình C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.